

PHỤ LỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ
VÀ GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

| STT | Tên thủ tục hành chính | Lĩnh vực | Trang |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------------|
| A | TTHC nội bộ cơ quan, người có thẩm quyền ở Trung ương đã ban hành quy định; cơ quan, người có thẩm quyền ở địa phương thực hiện hoặc quy định bổ sung theo thẩm quyền để thực hiện | | |
| I | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH | | |
| 1 | Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch chung đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh | Quy hoạch xây dựng, kiến trúc | 3 |
| 2 | Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu | Quy hoạch xây dựng, kiến trúc | 5 |
| 3 | Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị | Quy hoạch xây dựng, kiến trúc | 7 |
| 4 | Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố, thị xã, đô thị loại IV trở lên chưa công nhận là thành phố, thị xã; đô thị mới dự kiến là thành phố, thị xã thuộc tỉnh | Quy hoạch xây dựng, kiến trúc | 9 |
| 5 | Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chung thị trấn, đô thị loại V chưa công nhận là thị trấn và đô thị mới loại V | Quy hoạch xây dựng, kiến trúc | 11 |
| 6 | Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị | Quy hoạch xây dựng, kiến trúc | 13 |
| 7 | Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị | Quy hoạch xây dựng, kiến trúc | 15 |
| 8 | Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh | Quy hoạch xây dựng, kiến trúc | 17 |
| 9 | Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh | Quy hoạch xây dựng, kiến trúc | 18 |
| 10 | Thẩm định nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh | Phát triển đô thị | 20 |
| 11 | Xây dựng, phê duyệt chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh | Nhà ở | 22 |

| | | | |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|----|
| 12 | Xây dựng, phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh | Nhà ở | 24 |
| 13 | Điều chỉnh chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh | Nhà ở | 26 |
| 14 | Phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các hộ nghèo | Nhà ở | 30 |
| II | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN | | |
| 1 | Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện | Quy hoạch xây dựng, kiến trúc | 32 |
| 2 | Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện | Quy hoạch xây dựng, kiến trúc | 34 |
| 3 | Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện | Quy hoạch xây dựng, kiến trúc | 36 |
| 4 | Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện | Quy hoạch xây dựng, kiến trúc | 37 |
| 5 | Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư | Lĩnh vực Hoạt động xây dựng | 39 |
| 6 | Điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư | Lĩnh vực Hoạt động xây dựng | 41 |
| III | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ | | |
| 1 | Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư | Lĩnh vực Hoạt động xây dựng | 43 |
| 2 | Điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư | Lĩnh vực Hoạt động xây dựng | 45 |

PHẦN II. NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch chung đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh

1.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: UBND cấp huyện gửi hồ sơ thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch chung đô thị đến Sở Xây dựng Bắc Kạn.

Bước 2: Sở Xây dựng tiếp nhận hồ sơ (nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ). Tổ chức thẩm định theo đúng thời hạn quy định. Ban hành Văn bản gửi UBND cấp huyện hoàn chỉnh hồ sơ nhiệm vụ.

Bước 3: Sau khi có báo cáo tiếp thu, chỉnh sửa hồ sơ của UBND cấp huyện, Sở Xây dựng ban hành báo cáo kết quả thẩm định nhiệm vụ.

Bước 4: Sở Xây dựng trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt.

Bước 5: UBND tỉnh xem xét phê duyệt nhiệm vụ.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ: Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định 44/2015/NĐ-CP gồm: Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt; thuyết minh nội dung nhiệm vụ bao gồm các bản vẽ in màu thu nhỏ; dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ; các văn bản pháp lý có liên quan; văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch; hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng.

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian thẩm định: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian phê duyệt: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Báo cáo thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch.

- Quyết định phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch chung đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.

1.8. Lệ phí: Mức phí thu theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng (khoản 3, Điều 6 Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019).

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về nội dung hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

2. Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Trường hợp nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu do UBND thành phố lập (gọi tắt trường hợp 1):

- Bước 1: UBND thành phố gửi hồ sơ thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đến Sở Xây dựng Bắc Kạn để xin ý kiến thống nhất trước khi phê duyệt.

- Bước 2: Sở Xây dựng xem xét, tiếp nhận hồ sơ.

b) Trường hợp nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu do UBND cấp tỉnh lập (gọi tắt trường hợp 2):

- Bước 1: Sở Xây dựng tổ chức lập, thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu.

- Bước 2: Trình UBND tỉnh phê duyệt.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với trường hợp 1: Văn bản xin ý kiến thống nhất của UBND thành phố; thuyết minh nội dung nhiệm vụ bao gồm các bản vẽ in màu thu nhỏ; dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ; các văn bản pháp lý có liên quan; văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch; hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng.

- Đối với trường hợp 2: Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt; thuyết minh nội dung nhiệm vụ bao gồm các bản vẽ in màu thu nhỏ; dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ; các văn bản pháp lý có liên quan; văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch; hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng.

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

2.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian cho ý kiến thống nhất: Không quy định.

- Thời gian thẩm định: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian phê duyệt: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND thành phố, Sở Xây dựng.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Đối với trường hợp 1:

- + Cơ quan lập và phê duyệt: UBND thành phố;
- + Cơ quan cho ý kiến thống nhất: Sở Xây dựng.

- Đối với trường hợp 2:

- Cơ quan lập, thẩm định, trình phê duyệt: Sở Xây dựng.
- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

a) Đối với trường hợp 1: Văn bản ý kiến thống nhất của Sở Xây dựng về nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu.

b) Đối với trường hợp 2:

- Báo cáo thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu
- Quyết định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu.

2.8. Lệ phí: Mức phí thu theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về nội dung hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

3. Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Trường hợp nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị do UBND cấp huyện lập (gọi tắt trường hợp 1):

- Bước 1: UBND cấp huyện gửi hồ sơ thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị đến Sở Xây dựng Bắc Kạn để xin ý kiến thống nhất trước khi phê duyệt.

- Bước 2: Sở Xây dựng xem xét, tiếp nhận hồ sơ.

b) Trường hợp nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị do UBND cấp tỉnh lập (gọi tắt trường hợp 2):

- Bước 1: Sở Xây dựng tổ chức lập, thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị.

- Bước 2: Trình UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị.

3.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đối với trường hợp 1: Văn bản xin ý kiến thống nhất về nhiệm vụ/nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị của UBND cấp huyện; thuyết minh nội dung nhiệm vụ bao gồm các bản vẽ in màu thu nhỏ; dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ; các văn bản pháp lý có liên quan; văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch; hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng.

- Đối với trường hợp 2: Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt; thuyết minh nội dung nhiệm vụ bao gồm các bản vẽ in màu thu nhỏ; dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ; các văn bản pháp lý có liên quan; văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch; hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng.

3.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian cho ý kiến thống nhất: Không quy định.

- Thời gian thẩm định: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian phê duyệt: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện, Sở Xây dựng.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Đối với trường hợp 1:

+ Cơ quan lập và phê duyệt: UBND cấp huyện (UBND cấp huyện phê duyệt quy hoạch chi tiết trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý).

+ Cơ quan cho ý kiến thống nhất: Sở Xây dựng.

- *Đối với trường hợp 2:*

+ Cơ quan lập, thẩm định, trình phê duyệt: Sở Xây dựng.

+ Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh (UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh đối với quy hoạch chi tiết các khu vực trong đô thị có phạm vi liên qua đến địa giới hành chính 02 huyện trở lên, khu vực có ý nghĩa quan trọng, khu vực trong đô thị mới).

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

a) Đối với trường hợp 1: Văn bản ý kiến thống nhất của Sở Xây dựng về nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị.

b) Đối với trường hợp 2:

- Báo cáo thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị.

- Quyết định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị.

3.8. Lệ phí: Mức phí thu theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

- Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về nội dung hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

4. Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố, thị xã, đô thị loại IV trở lên chưa công nhận là thành phố, thị xã; đô thị mới dự kiến là thành phố, thị xã thuộc tỉnh

4.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: UBND cấp huyện gửi hồ sơ thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch chung thành phố, thị xã, đô thị loại IV trở lên chưa công nhận là thành phố, thị xã; đô thị mới dự kiến là thành phố, thị xã thuộc tỉnh đến Sở Xây dựng Bắc Kạn.

Bước 2: Sở Xây dựng sau khi xem xét hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thẩm định theo đúng thời hạn quy định.

Bước 3: UBND tỉnh phê duyệt đồ án.

4.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ: Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án; thuyết minh nội dung đồ án bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ; dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị; dự thảo quyết định phê duyệt đồ án; các phụ lục tính toán kèm theo; các bản vẽ in màu đúng tỷ lệ theo quy định; các văn bản pháp lý có liên quan.

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

4.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian thẩm định: 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian phê duyệt: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện, Sở Xây dựng.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan lập đồ án: UBND cấp huyện;

- Cơ quan thực hiện thẩm định: Sở Xây dựng;

- Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt: UBND tỉnh.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Báo cáo thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố, thị xã, đô thị loại IV trở lên chưa công nhận là thành phố, thị xã; đô thị mới dự kiến là thành phố, thị xã thuộc tỉnh.

- Quyết định phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố, thị xã, đô thị loại IV trở lên chưa công nhận là thành phố, thị xã; đô thị mới dự kiến là thành phố, thị xã thuộc tỉnh.

4.8. Lệ phí: Mức phí thu theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về nội dung hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

5. Thẩm định, phê duyệt đề án quy hoạch chung thị trấn, đô thị loại V chưa công nhận là thị trấn và đô thị mới loại V

5.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: UBND cấp huyện gửi hồ sơ thẩm định đề án quy hoạch chung thị trấn, đô thị loại V chưa công nhận là thị trấn và đô thị mới loại V đến Sở Xây dựng Bắc Kạn.

- Bước 2: Sở Xây dựng sau khi xem xét hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thẩm định theo đúng thời hạn quy định.

- Bước 3: Sở Xây dựng trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Bước 4: UBND tỉnh xem xét phê duyệt.

5.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ: Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đề án; thuyết minh nội dung đề án bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ; dự thảo quy định quản lý theo đề án quy hoạch đô thị; dự thảo quyết định phê duyệt đề án; các phụ lục tính toán kèm theo; các bản vẽ in màu đúng tỷ lệ theo quy định; các văn bản pháp lý có liên quan.

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

5.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian thẩm định: 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian phê duyệt: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện, Sở Xây dựng.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan lập đề án: UBND cấp huyện

- Cơ quan thực hiện thẩm định: Sở Xây dựng

- Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt: UBND tỉnh

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Báo cáo thẩm định đề án quy hoạch chung thị trấn, đô thị loại V chưa công nhận là thị trấn và đô thị mới loại V.

- Quyết định phê duyệt đề án quy hoạch chung thị trấn, đô thị loại V chưa công nhận là thị trấn và đô thị mới loại V.

5.8. Lệ phí: Mức phí thu theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về nội dung hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

6. Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị

6.1. Trình tự thực hiện:

a) Trường hợp đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị do UBND thành phố lập (gọi tắt trường hợp 1):

- Bước 1: UBND thành phố gửi hồ sơ thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đến Sở Xây dựng Bắc Kạn để xin ý kiến thống nhất trước khi phê duyệt.

- Bước 2: Sở Xây dựng xem xét, tiếp nhận hồ sơ.

b) Trường hợp nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu do UBND cấp tỉnh lập (gọi tắt trường hợp 2):

- Bước 1: Sở Xây dựng tổ chức lập, thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Bước 2: UBND tỉnh xem xét phê duyệt đồ án.

6.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với trường hợp 1: Văn bản xin ý kiến thống nhất về đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị của UBND thành phố; thuyết minh tổng hợp bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ; quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng được duyệt; dự thảo quyết định phê duyệt đồ án; bản vẽ in màu đúng tỷ lệ quy định; các văn bản pháp lý có liên quan; văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch; hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng; đĩa CD sao lưu toàn bộ nội dung hồ sơ đồ án.

- Đối với trường hợp 2: Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án; thuyết minh tổng hợp bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ; quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng được duyệt; dự thảo quyết định phê duyệt đồ án; bản vẽ in màu đúng tỷ lệ quy định; các văn bản pháp lý có liên quan; văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch; hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng; đĩa CD sao lưu toàn bộ nội dung hồ sơ đồ án.

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

6.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian cho ý kiến thống nhất: Không quy định.

- Thời gian thẩm định: 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian phê duyệt: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện, Sở Xây dựng.

6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- *Đối với trường hợp 1:*

- + Cơ quan lập và phê duyệt: UBND thành phố;
- + Cơ quan cho ý kiến thống nhất: Sở Xây dựng.

- *Đối với trường hợp 2:*

- + Cơ quan lập, thẩm định, trình phê duyệt: Sở Xây dựng.
- + Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh.

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

a) Đối với trường hợp 1: Văn bản ý kiến thống nhất của Sở Xây dựng về đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị.

b) Đối với trường hợp 2:

- Báo cáo thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị
- Quyết định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị

6.8. Lệ phí: Mức phí thu theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không có

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về nội dung hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

7. Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị

7.1. Trình tự thực hiện:

a) Trường hợp đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị do UBND các huyện, thành phố lập (gọi tắt trường hợp 1):

- Bước 1: UBND cấp huyện gửi hồ sơ thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị đến Sở Xây dựng Bắc Kạn để xin ý kiến thống nhất trước khi phê duyệt.

- Bước 2: Sở Xây dựng xem xét, tiếp nhận, thụ lý hồ sơ.

b) Trường hợp đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị do UBND cấp tỉnh lập (gọi tắt trường hợp 2):

- Bước 1: Sở Xây dựng tổ chức lập, thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Bước 2: UBND tỉnh xem xét phê duyệt đồ án.

7.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với trường hợp 1: Văn bản xin ý kiến thống nhất của UBND cấp huyện; thuyết minh tổng hợp bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ; quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng được duyệt; dự thảo quyết định phê duyệt đồ án; bản vẽ in màu đúng tỷ lệ quy định; các văn bản pháp lý có liên quan; văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch; hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng; đĩa CD sao lưu toàn bộ nội dung hồ sơ đồ án.

- Đối với trường hợp 2: Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án; thuyết minh tổng hợp bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ; quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng được duyệt; dự thảo quyết định phê duyệt đồ án; bản vẽ in màu đúng tỷ lệ quy định; các văn bản pháp lý có liên quan; văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch; hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng; đĩa CD sao lưu toàn bộ nội dung hồ sơ đồ án.

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

7.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian cho ý kiến thống nhất: Không quy định.

- Thời gian thẩm định: 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian phê duyệt: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện, Sở Xây dựng.

7.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: .

- Đối với trường hợp 1:

- + Cơ quan lập và phê duyệt: UBND cấp huyện;
- + Cơ quan cho ý kiến thống nhất: Sở Xây dựng.

- *Đối với trường hợp 2:*

- + Cơ quan lập, thẩm định, trình phê duyệt: Sở Xây dựng.
- + Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh.

7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

a) Đối với trường hợp 1: Văn bản ý kiến thống nhất của Sở Xây dựng về đồ án, đồ án điều chỉnh chi tiết đô thị.

b) Đối với trường hợp 2:

- Báo cáo thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh chi tiết đô thị.
- Quyết định phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh chi tiết đô thị.

7. 8. Lệ phí: Mức phí thu theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không có

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về nội dung hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

8. Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh

8.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Xây dựng tổ chức lập, thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt.
- Bước 2: UBND tỉnh xem xét, phê duyệt nhiệm vụ.

8.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ: Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt; thuyết minh nội dung nhiệm vụ bao gồm các bản vẽ in màu thu nhỏ; dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ; các văn bản pháp lý có liên quan; văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch; hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng.

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

8.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian thẩm định: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Thời gian phê duyệt: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

8.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan lập, thẩm định, trình phê duyệt: Sở Xây dựng.
- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh (UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh đối với quy hoạch chi tiết các khu vực trong đô thị có phạm vi liên qua đến địa giới hành chính 02 huyện trở lên, khu vực có ý nghĩa quan trọng, khu vực trong đô thị mới).

8.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Báo cáo thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết
- Quyết định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết.

8.8. Lệ phí: Mức phí thu theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không có

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27/11/2023;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

9. Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh

9.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Xây dựng tổ chức lập, thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt.
- Bước 2: UBND tỉnh xem xét, phê duyệt đồ án.

9.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ: Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án; thuyết minh tổng hợp bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ; quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng được duyệt; dự thảo quyết định phê duyệt đồ án; bản vẽ in màu đúng tỷ lệ quy định; các văn bản pháp lý có liên quan; văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch; hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng; đĩa CD sao lưu toàn bộ nội dung hồ sơ đồ án.

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

9.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian thẩm định: 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Thời gian phê duyệt: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan quản lý quy hoạch đô thị cấp tỉnh; Cơ quan quản lý quy hoạch đô thị cấp huyện.

9.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: .

- Đối với trường hợp 1:

- + Cơ quan lập và phê duyệt: UBND cấp huyện;
- + Cơ quan cho ý kiến thống nhất: Sở Xây dựng.

- Đối với trường hợp 2:

- Cơ quan lập, thẩm định, trình phê duyệt: Sở Xây dựng.
- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh.

9.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

a) Đối với trường hợp 1: Văn bản ý kiến thống nhất của Sở Xây dựng về đồ án, đồ án điều chỉnh chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình.

b) Đối với trường hợp 2:

- Báo cáo thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Quyết định phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình.

9.8. Lệ phí: Mức phí thu theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không có

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27/11/2023;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

10. Thẩm định nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh

10.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Xây dựng tổ chức lập, thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt đối với các khu vực có phạm vi liên quan đến địa giới hành chính của hai huyện trở lên, khu vực trong đô thị mới và khu vực có ý nghĩa quan trọng (khoản 2 Điều 19 Luật Quy hoạch đô thị).

- Bước 2: UBND tỉnh xem xét, phê duyệt nhiệm vụ.

10.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh.

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng.
- Bản sao không cần chứng thực văn bản pháp lý: chủ trương của cấp có thẩm quyền về việc lập thiết kế đô thị riêng.
- Thuyết minh nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng.
- Thành phần bản vẽ nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng gồm:
- Sơ đồ vị trí khu vực thiết kế đô thị trích từ quy hoạch chi tiết hoặc quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chung đô thị;
- Bản đồ ranh giới nghiên cứu, phạm vi khu vực lập thiết kế đô thị riêng.
- Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng.

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

10.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian thẩm định: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Thời gian phê duyệt: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

10.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng

10.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan lập, thẩm định nhiệm vụ: Sở Xây dựng
- Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ: UBND tỉnh

10.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo kết quả thẩm định nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng; Quyết định phê duyệt nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng.

10.8. Lệ phí: Mức phí thu theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không có

10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

10.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị;
- Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về bổ sung sửa đổi 1 số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng.

11. Xây dựng, phê duyệt chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh

11.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cơ quan quản lý cấp tỉnh lập tờ trình đề xuất xây dựng chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh UBND tỉnh xem xét phê duyệt bao gồm đề cương chi tiết, dự toán kinh phí xây dựng chương trình phát triển nhà, tiến độ và phương thức tự thực hiện hoặc thuê đơn vị tư vấn có kinh nghiệm về việc xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở để thực hiện;

Bước 2: Căn cứ tờ trình của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh, UBND tỉnh có trách nhiệm xem xét, phê duyệt đề xuất xây dựng chương trình phát triển nhà ở

Bước 3: Căn cứ nội dung phê duyệt của UBND tỉnh, trường hợp cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh trực tiếp thực hiện thì phải tổ chức triển khai xây dựng chương trình phát triển nhà ở, tiến độ và phương thức tự thực hiện hoặc thuê đơn vị tư vấn thực hiện thì cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Trong quá trình xây dựng chương trình phát triển nhà ở, UBND cấp huyện và các cơ quan có liên quan của địa phương có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh, đơn vị tư vấn để tổ chức khảo sát; tổng hợp, cung cấp số liệu; xây dựng chương trình phát triển nhà ở;

- Sau khi hoàn thành xây dựng dự thảo chương trình phát triển nhà ở, cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh phải gửi văn bản lấy ý kiến của UBND cấp huyện, các cơ quan chức năng và tổ chức có liên quan của địa phương.

- Kể từ ngày gửi văn bản góp ý, cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh có trách nhiệm hoàn thiện, chỉnh sửa nội dung dự thảo chương trình phát triển nhà ở; lập tờ trình gửi UBND tỉnh xem xét cho ý kiến để trình HĐND tỉnh thông qua.

Bước 4: Sau khi Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua chương trình phát triển nhà ở, UBND tỉnh phải ban hành quyết định phê duyệt chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh và đăng tải chương trình này trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, đồng thời gửi cho cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan này và gửi chương trình về Bộ Xây dựng để theo dõi việc thực hiện.

11.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh

11.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

- a) Thành phần hồ sơ: Tờ trình, Dự thảo chương trình phát triển nhà ở
- b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

11.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian UBND tỉnh xem xét, phê duyệt đề xuất xây dựng chương trình

phát triển nhà ở: Tối đa 45 ngày kể từ ngày nhận được tờ trình của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh

- Thời gian gửi văn bản góp ý dự thảo chương trình phát triển nhà ở: Tối đa 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh.

- Thời gian hoàn thiện, chỉnh sửa nội dung dự thảo chương trình phát triển nhà ở; lập tờ trình gửi UBND cấp tỉnh xem xét cho ý kiến đề trình HĐND tỉnh thông qua: Tối đa 45 ngày kể từ ngày gửi văn bản góp ý.

- Thời gian UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh và đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, đồng thời gửi cho cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan này và gửi chương trình về Bộ Xây dựng để theo dõi việc thực hiện: Tối đa 15 ngày kể từ ngày HĐND cấp tỉnh thông qua chương trình phát triển nhà ở.

11.5. Đối tượng thực hiện: Cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh

11.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan thực hiện: Cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, địa phương có liên quan trên địa bàn được UBND tỉnh giao.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh

11.7. Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt của UBND cấp tỉnh kèm theo thuyết minh Chương trình phát triển nhà ở của địa phương.

11.8. Phí, lệ phí: Không quy định

11.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; kết quả thực hiện chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh kỳ trước; hiện trạng nhà ở; nhu cầu về nhà ở trong giai đoạn xây dựng chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh (khoản 1 Điều 26 Luật Nhà ở năm 2023).

11.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

12. Xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương

12.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh lập tờ trình gửi UBND tỉnh xem xét phê duyệt bao gồm các nội dung: đề cương chi tiết, dự toán kinh phí xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở, tiến độ và phương thức tự thực hiện hoặc thuê đơn vị tư vấn có kinh nghiệm về việc xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở để thực hiện.

- Đối với việc xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở cho 05 năm của đầu kỳ chương trình phát triển nhà ở, cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh phải lập báo cáo đề xuất quy định tại điểm này gửi UBND tỉnh xem xét, phê duyệt

- Đối với việc xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở 05 năm tiếp theo của kỳ chương trình phát triển nhà ở thì cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh phải lập đề xuất gửi UBND tỉnh xem xét, phê duyệt trước ngày 30 tháng 6 của năm cuối kỳ kế hoạch trước đó;

Bước 2: UBND tỉnh xem xét, phê duyệt đề xuất xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh.

Bước 3: Căn cứ phê duyệt của UBND tỉnh, trường hợp cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh trực tiếp thực hiện thì phải tổ chức triển khai xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở theo tiến độ đã được phê duyệt; trường hợp thuê đơn vị tư vấn thực hiện thì cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Trong quá trình xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở, UBND cấp huyện và các cơ quan có liên quan của địa phương có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh, đơn vị tư vấn để tổ chức khảo sát; tổng hợp, cung cấp số liệu; xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở; trường hợp trong kế hoạch có sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thì trong nội dung phải nêu cụ thể danh mục dự án có sử dụng vốn, số vốn cần bố trí, giai đoạn giải ngân trong kỳ kế hoạch để lấy ý kiến của cơ quan kế hoạch và đầu tư cấp tỉnh.

Bước 4: Sau khi hoàn thành xây dựng dự thảo kế hoạch phát triển nhà ở, cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh phải gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức.

Bước 5: Sau khi nhận được văn bản góp ý, cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh hoàn thiện nội dung dự thảo kế hoạch phát triển nhà ở, lập tờ trình gửi UBND tỉnh xem xét phê duyệt.

Bước 6: UBND tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở sau khi nhận được tờ trình của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh. Đăng tải công khai kế hoạch phát triển nhà ở trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, đồng thời gửi cho cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan này và gửi về Bộ Xây dựng để theo dõi việc thực hiện.

12.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh.

12.3. Thành phần hồ sơ: Không quy định

12.4. Số lượng hồ sơ: Không quy định

12.5. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian UBND tỉnh xem xét, phê duyệt đề xuất xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh: Tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận được tờ trình của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh.

- Thời gian xin ý kiến các cơ quan, tổ chức về dự thảo kế hoạch phát triển nhà ở: Tối đa 15 ngày.

- Thời gian cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh hoàn thiện nội dung dự thảo, lập tờ trình gửi UBND tỉnh xem xét, phê duyệt: Tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản góp ý.

- Thời gian UBND tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở: Tối đa 15 ngày.

- Thời gian UBND tỉnh đăng tải công khai kế hoạch phát triển nhà ở trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, đồng thời gửi cho cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan này và gửi về Bộ Xây dựng để theo dõi việc thực hiện: Tối đa 05 ngày làm việc.

12.6 Đối tượng thực hiện: Cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh

12.7. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan thực hiện: Cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan có liên quan trên địa bàn được UBND tỉnh giao

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh

12.8. Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh kèm theo thuyết minh Kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương.

12.9. Phí, lệ phí: Không quy định

12.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

12.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Đối với Kế hoạch phát triển nhà ở hàng năm thì phải bổ sung điều kiện thực hiện thủ tục hành chính là có Kế hoạch phát triển nhà ở 5 năm đã được phê duyệt.

12.12. Căn cứ pháp lý thực hiện thủ tục hành chính:

- Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

13. Điều chỉnh chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh

13.1. Trường hợp điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở

13.1.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Nhà ở, cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh lập tờ trình đề xuất điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở gửi UBND tỉnh xem xét, phê duyệt bao gồm các nội dung: đề cương chi tiết, dự toán kinh phí điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở, tiến độ và dự kiến đơn vị, cơ quan xây dựng chương trình điều chỉnh;

Bước 2: Căn cứ tờ trình của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh, UBND tỉnh có trách nhiệm xem xét, phê duyệt đề xuất điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở

Bước 3: Căn cứ nội dung phê duyệt của UBND tỉnh, trường hợp cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh trực tiếp thực hiện thì phải tổ chức triển khai điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở, tiến độ và phương thức tự thực hiện hoặc thuê đơn vị tư vấn thực hiện thì cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Trong quá trình điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở, UBND cấp huyện và các cơ quan có liên quan của địa phương có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh, đơn vị tư vấn để tổ chức khảo sát; tổng hợp, cung cấp số liệu; điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở;

- Sau khi hoàn thành xây dựng dự thảo điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở, cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh phải gửi văn bản lấy ý kiến của UBND cấp huyện, các cơ quan chức năng và tổ chức có liên quan của địa phương.

- Kể từ ngày gửi văn bản góp ý, cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh có trách nhiệm hoàn thiện, chỉnh sửa nội dung dự thảo điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở; lập tờ trình gửi UBND tỉnh xem xét cho ý kiến để trình HĐND tỉnh thông qua.

Bước 4: Sau khi HĐND tỉnh thông qua nội dung điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở, UBND tỉnh phải ban hành quyết định phê duyệt điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh và đăng tải chương trình này trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, đồng thời gửi cho cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan này và gửi chương trình về Bộ Xây dựng để theo dõi việc thực hiện.

13.1.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh

13.1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ: Tờ trình, Dự thảo chương trình phát triển nhà ở

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

13.1.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian UBND tỉnh xem xét, phê duyệt đề xuất điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở: Tối đa 45 ngày kể từ ngày nhận được tờ trình của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh

- Thời gian gửi văn bản góp ý dự thảo điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở: Tối đa 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh.

- Thời gian hoàn thiện, chỉnh sửa nội dung dự thảo điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở; lập tờ trình gửi UBND tỉnh xem xét cho ý kiến đề trình HĐND tỉnh thông qua: Tối đa 45 ngày kể từ ngày gửi văn bản góp ý.

- Thời gian UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh và đăng tải lên Cổng thông tin điện tử tỉnh, đồng thời gửi cho cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan này và gửi chương trình về Bộ Xây dựng để theo dõi việc thực hiện: Tối đa 15 ngày kể từ ngày HĐND tỉnh thông qua điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở.

13.1.5. Đối tượng thực hiện: Cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh

13.1.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh
- Cơ quan thực hiện: Cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, địa phương có liên quan trên địa bàn được UBND tỉnh giao.

13.1.7. Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh kèm theo thuyết minh Chương trình phát triển nhà ở của địa phương.

13.1.8. Phí, lệ phí: Không quy định

13.1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

13.1.20. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Thời gian xây dựng, phê duyệt điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở tối đa là 12 tháng, kể từ khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Nhà ở.

13.1.21. Căn cứ pháp lý thực hiện thủ tục hành chính:

- Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

13.2. Trường hợp điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh

13.2.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Sau khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật Nhà ở, cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh lập đề xuất gửi UBND tỉnh xem xét, phê duyệt bao gồm các nội dung: kế hoạch thực hiện, đề cương chi tiết, dự toán kinh phí điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở; trong đó nêu rõ sự cần thiết phải điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở.

Bước 2: UBND tỉnh xem xét, phê duyệt đề xuất xây dựng điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh

Bước 3: Căn cứ phê duyệt của UBND tỉnh, trường hợp cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh trực tiếp thực hiện thì phải tổ chức triển khai xây dựng điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở theo tiến độ đã được phê duyệt; trường hợp thuê đơn vị tư vấn thực hiện thì cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Trong quá trình xây dựng điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở, UBND cấp huyện và các cơ quan có liên quan của địa phương có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh, đơn vị tư vấn để tổ chức khảo sát; tổng hợp, cung cấp số liệu; xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở; trường hợp trong kế hoạch có sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thì trong nội dung phải nêu cụ thể danh mục dự án có sử dụng vốn, số vốn cần bố trí, giai đoạn giải ngân trong kỳ kế hoạch để lấy ý kiến của cơ quan kế hoạch và đầu tư cấp tỉnh.

Bước 4: Sau khi hoàn thành xây dựng dự thảo điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở, cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh phải gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức.

Bước 5: Sau khi nhận được văn bản góp ý, cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh hoàn thiện nội dung dự thảo điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở, lập tờ trình gửi UBND tỉnh xem xét phê duyệt.

Bước 6: UBND tỉnh xem xét, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở sau khi nhận được tờ trình của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh. Đăng tải công khai kế hoạch điều chỉnh phát triển nhà ở trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, đồng thời gửi cho cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan này và gửi về Bộ Xây dựng để theo dõi việc thực hiện.

13.1.2. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- a) Thành phần hồ sơ: Tờ trình, Dự thảo kế hoạch phát triển nhà ở
- b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

13.2.2. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian UBND tỉnh xem xét, phê duyệt đề xuất xây dựng điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh: Tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận được tờ trình của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh.

- Thời gian xin ý kiến các cơ quan, tổ chức về dự thảo điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở: Tối đa 15 ngày.

- Thời gian cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh hoàn thiện nội dung dự thảo, lập tờ trình gửi UBND tỉnh xem xét, phê duyệt: Tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản góp ý.

- Thời gian UBND tỉnh xem xét, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở: Tối đa 15 ngày.

- Thời gian UBND tỉnh đăng tải công khai kế hoạch điều chỉnh phát triển nhà ở trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, đồng thời gửi cho cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan này và gửi về Bộ Xây dựng để theo dõi việc thực hiện: Tối đa 05 ngày làm việc.

13.2.4 Đối tượng thực hiện: Cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh

13.2.5. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
- Cơ quan thực hiện: Cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan có liên quan trên địa bàn được UBND tỉnh giao

13.2.6. Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh kèm theo thuyết minh điều chỉnh Kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương.

13.2.7. Phí, lệ phí: Không quy định

13.2.8. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

13.2.9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Thời gian xây dựng, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh tối đa là 06 tháng, kể từ khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật Nhà ở.

13.2.10. Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

14. Phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo

14.1. Trình tự thực hiện

1.1. Tại cấp thôn và tương đương (viết tắt là cấp thôn)

- Công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã phối hợp Trưởng thôn tổ chức họp để phổ biến nội dung chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 đến các hộ dân; lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu hỗ trợ xây mới hoặc sửa chữa nhà ở;

- Trên cơ sở danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu hỗ trợ xây mới hoặc sửa chữa nhà ở, tổ chức bình xét, đề xuất danh sách các hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ về nhà ở (*theo mẫu tại Phụ lục I kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BXD*) gửi về UBND cấp xã để xem xét, rà soát. Cuộc họp bao gồm Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp xã, công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã, Trưởng thôn (chủ trì họp), Bí thư Chi bộ thôn, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và đại diện của các hộ nghèo, hộ cận nghèo trong thôn; mời đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã giám sát;

- Hộ được đưa vào danh sách đề nghị hỗ trợ phải được trên 50% số người tham dự cuộc họp đồng ý (theo hình thức biểu quyết giơ tay hoặc bỏ phiếu kín).

1.2. Tại cấp xã

- UBND cấp xã niêm yết công khai danh sách các hộ nghèo, hộ cận nghèo được đề xuất hỗ trợ xây mới hoặc sửa chữa nhà ở tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và trụ sở UBND cấp xã; thông báo qua đài truyền thanh cấp xã (nếu có) trong thời gian 03 ngày;

- Hết thời hạn niêm yết công khai, UBND cấp xã rà soát, thẩm định, tổng hợp và gửi về UBND cấp huyện danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc diện được hỗ trợ xây mới hoặc sửa chữa nhà ở.

Sau 03 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được báo cáo của UBND cấp xã, UBND cấp huyện tổng hợp và phê duyệt danh sách báo cáo UBND tỉnh. Trường hợp phải điều chỉnh lại danh sách thì phải phê duyệt lại và báo cáo ngay cho UBND tỉnh.

UBND tỉnh tổ chức lập và phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn; gửi Đề án về Bộ Xây dựng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính đề tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Trường hợp phát sinh khiếu nại, tố cáo trong quá trình phê duyệt danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ về nhà ở thì việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện theo quy định của Luật khiếu nại, Luật tố cáo.

14.2. Cách thức thực hiện: Lập danh sách, bình xét, phê duyệt danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo.

14.3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ: Không quy định.

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

14.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

14.5. Đối tượng thực hiện: UBND cấp xã, UBND cấp huyện

14.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và các sở, ban, ngành liên quan.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh

14.7. Kết quả thực hiện: Đề án được phê duyệt

14.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

14.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

14.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo được phê duyệt tại Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025.

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ nhà ở thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa có nhà ở hoặc nhà ở thuộc loại không bền chắc (trong ba kết cấu chính là nền - móng, khung - tường, mái thì có ít nhất hai kết cấu được làm bằng vật liệu không bền chắc).

+ Diện tích nhà ở bình quân đầu người của hộ nghèo, hộ cận nghèo nhỏ hơn 8m².

+ Chưa được hỗ trợ nhà ở từ các chương trình, đề án, chính sách hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội hoặc tổ chức xã hội khác.

14.11. Căn cứ pháp lý thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

- Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

1. Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Phòng Kinh tế hạ tầng/Quản lý đô thị tổ chức lập, thẩm định và trình UBND huyện phê duyệt.

- Bước 2: UBND huyện xem xét, phê duyệt nhiệm vụ.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của cấp huyện.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ: Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt; thuyết minh nội dung nhiệm vụ bao gồm các bản vẽ in màu thu nhỏ; dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ; các văn bản pháp lý có liên quan; văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch; hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng.

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian thẩm định: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian phê duyệt: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan lập, thẩm định, trình phê duyệt: Phòng Kinh tế hạ tầng/Quản lý đô thị.

- Cơ quan phê duyệt: UBND cấp huyện

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị; Quyết định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị.

1.8. Lệ phí: Mức phí thu theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không có

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

- Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về nội dung hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

2. Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện

2.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Phòng Kinh tế hạ tầng/Quản lý đô thị tổ chức lập, thẩm định và trình UBND huyện phê duyệt.

- Bước 2: UBND huyện xem xét, phê duyệt đồ án.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của cấp huyện.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ: Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án; thuyết minh tổng hợp bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ; quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng được duyệt; dự thảo quyết định phê duyệt đồ án; bản vẽ in màu đúng tỷ lệ quy định; các văn bản pháp lý có liên quan; văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch; hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng; đĩa CD sao lưu toàn bộ nội dung hồ sơ đồ án.

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

2.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian thẩm định: 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian phê duyệt: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan lập, thẩm định, trình phê duyệt: Phòng Kinh tế hạ tầng/Quản lý đô thị.

- Cơ quan phê duyệt: UBND cấp huyện.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Báo cáo thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh chi tiết đô thị.

- Quyết định phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh chi tiết đô thị.

2.8. Lệ phí: Mức phí thu theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không có

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

- Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về nội dung hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

3. Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện

3.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Phòng Kinh tế hạ tầng/Quản lý đô thị tổ chức lập, thẩm định và trình UBND huyện phê duyệt.

- Bước 2: UBND huyện xem xét, phê duyệt nhiệm vụ.

3.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND cấp huyện.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt; thuyết minh nội dung nhiệm vụ bao gồm các bản vẽ in màu thu nhỏ; dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ; các văn bản pháp lý có liên quan; văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch; hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng.

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

3.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian thẩm định: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian phê duyệt: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý quy hoạch đô thị cấp huyện.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan lập, thẩm định, trình phê duyệt: Phòng Kinh tế hạ tầng/Quản lý đô thị.

- Cơ quan phê duyệt: UBND cấp huyện.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Báo cáo thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết

- Quyết định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết.

3.8. Lệ phí: Mức phí thu theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không có

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Luật nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27/11/2023;

- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

4. Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện

4.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Phòng Kinh tế hạ tầng/Quản lý đô thị tổ chức lập, thẩm định và trình UBND huyện phê duyệt.

- Bước 2: UBND huyện xem xét, phê duyệt đồ án.

4.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND cấp huyện.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ: Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án; thuyết minh tổng hợp bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ; quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng được duyệt; dự thảo quyết định phê duyệt đồ án; bản vẽ in màu đúng tỷ lệ quy định; các văn bản pháp lý có liên quan; văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch; hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng; đĩa CD sao lưu toàn bộ nội dung hồ sơ đồ án.

b) Số lượng hồ sơ:

4.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian thẩm định: 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian phê duyệt: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý quy hoạch đô thị cấp huyện.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan lập, thẩm định, trình phê duyệt: Phòng Kinh tế hạ tầng/Quản lý đô thị.

- Cơ quan phê duyệt: UBND cấp huyện.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình; Quyết định phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình.

4.8. Lệ phí: Mức phí thu theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Luật nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27/11/2023;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

5. Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư

5.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người đề nghị thẩm định nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ đề nghị thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng tại phòng chuyên môn phụ trách lĩnh vực (Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Phòng Quản lý đô thị) ra biên nhận cho người đề nghị thẩm định.

Bước 2: Phòng chuyên môn phụ trách lĩnh vực xử lý, thẩm định hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ có yêu cầu bổ sung:

+ Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; Ban hành Văn bản yêu cầu chỉnh sửa bổ sung hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ sai sót về thông tin, số liệu trong nội dung hồ sơ: Ban hành Văn bản hoặc thông báo kịp thời đến người đề nghị thẩm định các lỗi, sai sót về thông tin, số liệu trong nội dung hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Thực hiện thẩm định và trình Lãnh đạo phòng duyệt, ký ban hành thông báo kết quả thẩm định.

Bước 4: Người đề nghị thẩm định đến nhận kết quả trực tiếp tại phòng chuyên môn phụ trách lĩnh vực.

5.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Phòng Kinh tế - Hạ tầng/ phòng Quản lý đô thị.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Văn bản pháp lý:

+ 01 bản chính - Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

+ 01 bản chính: Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình

+ 01 bản chính: Tổng mặt bằng được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc văn bản chấp thuận địa điểm đầu tư (đối với những khu vực chưa có quy hoạch).

+ 01 bản chính - Các văn bản khác có liên quan (nếu có).

+ 01 bản chính - Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

+ 01 bản chính- Hợp đồng tư vấn khảo sát, lập Báo cáo KTKT; Hợp đồng tư vấn thẩm tra (nếu có).

- Tài liệu khảo sát, thiết kế và dự toán xây dựng:

+ 01 bản chính - Hồ sơ khảo sát xây dựng.

+ 01 bản chính - Nhiệm vụ thiết kế xây dựng.

+ 01 bản chính - Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (kèm theo file).

+ 01 bản chính - Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ (kèm theo file).

+ 01 bản chính- Báo cáo kết quả thẩm tra (đối với công trình có yêu cầu thẩm tra phục vụ công tác thẩm định *(kèm theo file mềm dự toán, thiết kế hoặc scan file bản vẽ thiết kế công trình đã thẩm tra)*)

+ 01 bản chính - Dự toán xây dựng (kèm theo file).

- Hồ sơ năng lực của các đơn vị tư vấn:

+ 01 bản chính - Thông tin năng lực của đơn vị tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, đơn vị thẩm tra (nếu có).

+ 01 bản chính - Giấy phép đơn vị tư vấn nước ngoài (nếu có).

+ 01 bản sao - Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm, chủ trì khảo sát, thiết kế và lập dự toán xây dựng, chủ trì các bộ môn thẩm tra (nếu có) (bản sao có chứng thực).

5.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5.5. Đối tượng thực hiện: Chủ đầu tư hoặc tổ chức/cá nhân được người quyết định đầu tư/ cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao chuẩn bị dự án gọi chung là Người đề nghị thẩm định.

5.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan thực hiện thẩm định: Phòng Kinh tế - Hạ tầng/ phòng Quản lý đô thị.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các cơ quan có liên quan.

5.7. Kết quả thực hiện: Văn bản thông báo kết quả thẩm định.

5.8. Phí, lệ phí: Theo quy định của Bộ Tài chính.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2021/NĐ-CP (vận dụng).

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

5.11. Căn cứ pháp lý thực hiện thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

6. Điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư

6.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người đề nghị thẩm định nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ đề nghị thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng tại phòng chuyên môn phụ trách lĩnh vực (Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Phòng Quản lý đô thị) ra biên nhận cho người đề nghị thẩm định.

Bước 2: Phòng chuyên môn phụ trách lĩnh vực xử lý, thẩm định hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ có yêu cầu bổ sung:
 - + Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; Ban hành Văn bản yêu cầu chỉnh sửa bổ sung hồ sơ;
 - + Trường hợp hồ sơ sai sót về thông tin, số liệu trong nội dung hồ sơ: Ban hành Văn bản hoặc thông báo kịp thời đến người đề nghị thẩm định các lỗi, sai sót về thông tin, số liệu trong nội dung hồ sơ.
- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Thực hiện thẩm định và trình Lãnh đạo phòng duyệt, ký ban hành thông báo kết quả thẩm định.

Bước 4: Người đề nghị thẩm định đến nhận kết quả trực tiếp tại phòng chuyên môn phụ trách lĩnh vực.

6.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Phòng Kinh tế - Hạ tầng/ phòng Quản lý đô thị.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Văn bản pháp lý:
 - + 01 bản chính - Tờ trình thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.
 - + 01 bản chính: Quyết định phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư xây dựng công trình
 - + 01 bản chính: Tổng mặt bằng được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc văn bản chấp thuận địa điểm đầu tư (đối với những khu vực chưa có quy hoạch).
 - + 01 bản chính - Các văn bản khác có liên quan (nếu có).
 - + 01 bản chính - Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
 - + 01 bản chính- Hợp đồng tư vấn khảo sát, lập Báo cáo KTKT; Hợp đồng tư vấn thẩm tra (nếu có).
- Tài liệu khảo sát, thiết kế và dự toán xây dựng:
 - + 01 bản chính - Hồ sơ khảo sát xây dựng.
 - + 01 bản chính - Nhiệm vụ thiết kế xây dựng.
 - + 01 bản chính - Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (kèm theo file).

+ 01 bản chính - Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ (kèm theo file).

+ 01 bản chính- Báo cáo kết quả thẩm tra (đối với công trình có yêu cầu thẩm tra phục vụ công tác thẩm định (*kèm theo file mềm dự toán, thiết kế hoặc scan file bản vẽ thiết kế công trình đã thẩm tra*))

+ 01 bản chính - Dự toán xây dựng (kèm theo file).

- Hồ sơ năng lực của các đơn vị tư vấn:

+ 01 bản chính - Thông tin năng lực của đơn vị tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, đơn vị thẩm tra (nếu có).

+ 01 bản chính - Giấy phép đơn vị tư vấn nước ngoài (nếu có).

+ 01 bản sao - Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm, chủ trì khảo sát, thiết kế và lập dự toán xây dựng, chủ trì các bộ môn thẩm tra (nếu có) (bản sao có chứng thực).

6.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6.5. Đối tượng thực hiện: Chủ đầu tư hoặc tổ chức/cá nhân được người quyết định đầu tư/ cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao chuẩn bị dự án gọi chung là Người đề nghị thẩm định.

6.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan thực hiện thẩm định: Phòng Kinh tế - Hạ tầng/ phòng Quản lý đô thị.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các cơ quan có liên quan.

6.7. Kết quả thực hiện: Văn bản thông báo kết quả thẩm định.

6.8. Phí, lệ phí: Theo quy định của Bộ Tài chính.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2021/NĐ-CP (vận dụng).

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

6.11. Căn cứ pháp lý:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người đề nghị thẩm định nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ đề nghị thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng tại UBND cấp xã.

- Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ, trình Chủ tịch UBND cấp xã giao cho tổ chức, cá nhân có chuyên môn phù hợp với tính chất, nội dung của dự án chủ trì thẩm định.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ có yêu cầu bổ sung: Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; Ban hành Văn bản yêu cầu chỉnh sửa bổ sung hồ sơ. Trường hợp hồ sơ sai sót về thông tin, số liệu trong nội dung hồ sơ: Ban hành Văn bản hoặc thông báo kịp thời đến người đề nghị thẩm định các lỗi, sai sót về thông tin, số liệu trong nội dung hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Thực hiện thẩm định và trình Lãnh đạo đơn vị duyệt hoặc tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ ký ban hành thông báo kết quả thẩm định.

- Bước 4: Người đề nghị thẩm định đến nhận kết quả trực tiếp tại UBND cấp xã.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại UBND cấp xã.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Văn bản pháp lý:

+ 01 bản chính - Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

+ 01 bản chính: Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình

+ 01 bản chính: Tổng mặt bằng được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc văn bản chấp thuận địa điểm đầu tư (đối với những khu vực chưa có quy hoạch).

+ 01 bản chính - Các văn bản khác có liên quan (nếu có).

+ 01 bản chính- Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

+ 01 bản chính - Hợp đồng tư vấn khảo sát, lập Báo cáo KTKT; Hợp đồng tư vấn thẩm tra (nếu có).

- Tài liệu khảo sát, thiết kế và dự toán xây dựng:

+ 01 bản chính - Hồ sơ khảo sát xây dựng.

+ 01 bản chính - Nhiệm vụ thiết kế xây dựng.

+ 01 bản chính - Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (kèm theo file).

+ 01 bản chính - Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ (kèm theo file).

+ 01 bản chính- Báo cáo kết quả thẩm tra (đối với công trình có yêu cầu thẩm tra phục vụ công tác thẩm định *(kèm theo file mềm dự toán, thiết kế hoặc scan file bản vẽ thiết kế công trình đã thẩm tra)*)

+ 01 bản chính - Dự toán xây dựng (kèm theo file).

- Hồ sơ năng lực của các đơn vị tư vấn:

+ 01 bản chính - Thông tin năng lực của đơn vị tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, đơn vị thẩm tra (nếu có).

+ 01 bản chính - Giấy phép đơn vị tư vấn nước ngoài (nếu có).

+ 01 bản sao - Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm, chủ trì khảo sát, thiết kế và lập dự toán xây dựng, chủ trì các bộ môn thẩm tra (nếu có) (bản sao có chứng thực).

1.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện: Chủ đầu tư hoặc tổ chức/cá nhân được người quyết định đầu tư/ cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao chuẩn bị dự án gọi chung là Người đề nghị thẩm định.

1.6. Cơ quan giải quyết: UBND cấp xã.

1.7. Kết quả thực hiện: Văn bản thông báo kết quả thẩm định.

1.8. Phí, lệ phí: Theo quy định của Bộ Tài chính.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2021/NĐ-CP (vận dụng).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1.11. Căn cứ pháp lý thực hiện thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

2. Điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư

2.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người đề nghị thẩm định nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ đề nghị thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng tại UBND cấp xã.

- Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ, trình Chủ tịch UBND xã giao cho tổ chức, cá nhân có chuyên môn phù hợp với tính chất, nội dung của dự án chủ trì thẩm định.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ có yêu cầu bổ sung: Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; Ban hành Văn bản yêu cầu chỉnh sửa bổ sung hồ sơ. Trường hợp hồ sơ sai sót về thông tin, số liệu trong nội dung hồ sơ: Ban hành Văn bản hoặc thông báo kịp thời đến người đề nghị thẩm định các lỗi, sai sót về thông tin, số liệu trong nội dung hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Thực hiện thẩm định và trình Lãnh đạo đơn vị duyệt hoặc tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ ký ban hành thông báo kết quả thẩm định.

- Bước 4: Người đề nghị thẩm định đến nhận kết quả trực tiếp tại UBND cấp xã.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại UBND cấp xã.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Văn bản pháp lý:

+ 01 bản chính - Tờ trình thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

+ 01 bản chính: Quyết định phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư xây dựng công trình

+ 01 bản chính: Tổng mặt bằng được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc văn bản chấp thuận địa điểm đầu tư (đối với những khu vực chưa có quy hoạch).

+ 01 bản chính - Các văn bản khác có liên quan (nếu có).

+ 01 bản chính- Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

+ 01 bản chính- Hợp đồng tư vấn khảo sát, lập Báo cáo KTKT; Hợp đồng tư vấn thẩm tra (nếu có).

- Tài liệu khảo sát, thiết kế và dự toán xây dựng:

+ 01 bản chính - Hồ sơ khảo sát xây dựng.

+ 01 bản chính - Nhiệm vụ thiết kế xây dựng.

+ 01 bản chính - Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (kèm theo file).

+ 01 bản chính - Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ (kèm theo file).

+ 01 bản chính - Báo cáo kết quả thẩm tra (đối với công trình có yêu cầu thẩm tra phục vụ công tác thẩm định (*kèm theo file mềm dự toán, thiết kế hoặc scan file bản vẽ thiết kế công trình đã thẩm tra*))

+ 01 bản chính - Dự toán xây dựng (kèm theo file).

- Hồ sơ năng lực của các đơn vị tư vấn:

+ 01 bản chính - Thông tin năng lực của đơn vị tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, đơn vị thẩm tra (nếu có).

+ 01 bản chính - Giấy phép đơn vị tư vấn nước ngoài (nếu có).

+ 01 bản sao - Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm, chủ trì khảo sát, thiết kế và lập dự toán xây dựng, chủ trì các bộ môn thẩm tra (nếu có) (bản sao có chứng thực).

2.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện: Chủ đầu tư hoặc tổ chức/cá nhân được người quyết định đầu tư/ cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao chuẩn bị dự án gọi chung là Người đề nghị thẩm định.

2.6. Cơ quan giải quyết: UBND cấp xã.

2.7. Kết quả thực hiện: Văn bản thông báo kết quả thẩm định.

2.8. Phí, lệ phí: Theo quy định của Bộ Tài chính.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2021/NĐ-CP (vận dụng).

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

2.11. Căn cứ pháp lý thực hiện thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.